

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Phạm Thanh H, sinh năm 1987

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1985

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C 1, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Thành L.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Thành L nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo An, sinh ngày 20/02/2015.

Chị Hòa trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 17/9/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 20/02/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hoàng Gia B số tiền 1.000.000đồng/tháng (một triệu đồng) và Nguyễn Hoàng Bảo A số tiền là 1.000.000đồng/tháng (một triệu đồng) tới khi con đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thanh H nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước theo biên lai thu số 0002828 ngày 10/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã S;
- L- u Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**

